

Số: 791 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc điều chỉnh, giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội
đồng nhân dân thành phố về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 của
thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-
HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số
10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố
quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai



đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương chưa phân bổ;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố từ các nguồn vốn ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 646/TTr-SKHĐT ngày 21 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn thực hiện của 10 dự án thuộc Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, với tổng số vốn điều chỉnh giảm là 703,270 tỷ đồng.

2. Giao chi tiết, bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thành phố Cần Thơ từ nguồn vốn ngân sách địa phương điều chỉnh giảm và số vốn kế hoạch chưa phân bổ, cụ thể:

a) Giao chi tiết 300 triệu đồng vốn chuẩn bị đầu tư cho dự án Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc tại số 01 đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều.

b) Giao chi tiết, bổ sung kế hoạch vốn thực hiện thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho 05 dự án với tổng kế hoạch vốn là 708,462 tỷ đồng.

(Chi tiết danh mục dự án và mức vốn theo 03 Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

1. Các Sở, ngành (sau đây gọi tắt là các Chủ đầu tư) căn cứ danh mục dự án và mức vốn bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được điều chỉnh, giao chi tiết tại Điều 1 Quyết định này:

a) Khẩn trương triển khai thực hiện dự án, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm trong đầu tư, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Tập trung hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới, làm cơ sở giao chi tiết kế hoạch vốn thực hiện hàng năm để triển khai thực hiện.

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi việc triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của các Chủ đầu tư, phối hợp cùng Chủ đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để dự án hoàn thành theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng phát huy hiệu quả đầu tư. Kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết kịp thời các vướng mắc theo thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.TU; TT.HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- Các Ban thuộc HĐND TP;
- VP UBND TP (3D);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, HS *mm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Việt Trường

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
 (Kèm theo Quyết định số: 791 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện CBĐT, quy hoạch	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư, quy hoạch		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Dự toán được duyệt			
TỔNG SỐ					333	-	300	
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần thơ				333	-	300	
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc tại số 01 đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	2023-2024	3683/UBND-XDĐT ngày 15/9/2022 09/QĐ-BQLDA ngày 20/02/2023	333		300	

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC)
 (Kèm theo Quyết định số: 791 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định Chủ trương/Dự án đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 giao chi tiết, bổ sung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW								Vốn trong nước
	Tổng số					4.726.908	150.000	1.626.508	21.722	2.928.678	1.004.766	2.883.883	5.192	2.889.075	
						1.364.876	150.000	-	-	1.214.876	287.388	697.428	72.557	769.985	
I	Giao thông					450.000	150.000	-	-	300.000	286.978	163.021	-2.264	160.757	
**	<i>Dự án chuyển tiếp</i>														
1	Cầu Vàm Xáng và đường nối từ cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	B	2019-2023	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	450.000	150.000			300.000	286.978	163.021	-2.264	160.757	
						914.876	0	0	0	914.876	410	534.407	74.821	609.228	
***	<i>Dự án khởi công mới</i>														
1	Đường tỉnh 920 (đoạn qua Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Ô Môn	C	2021-2023	2533/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 3953/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	45.181				45.181		42.917	2.264	45.181	
2	Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	08/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	384.648				384.648		120.000	261.548	381.548	
3	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	09/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	172.709				172.709		60.000	111.009	171.009	
4	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Xuyên - đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ)	Bình Thủy	B	2023-2026	63/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	312.338				312.338	410	311.490	-300.000	11.490	
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					3.186	-	-	-	3.186	-	-	3.041	3.041	
						3.186	-	-	-	3.186	-	-	3.041	3.041	
***	<i>Dự án khởi công mới</i>														
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Cục lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2023-2024	4418/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	3.186				3.186			3.041	3.041	
III	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới					793.016	-	-	-	793.016	126.050	332.000	287.600	619.600	
						279.016	-	-	-	279.016	126.050	152.000	-43.000	109.000	
**	<i>Dự án chuyển tiếp</i>														
1	Khu tái định cư quân Cái Răng	Cái Răng	B	2020-2022	2589/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	239.336				239.336	100.900	138.000	-35.000	103.000	



2	Khu tái định cư quân Thốt Nốt (Khu 1)	Thốt Nốt	C	2020-2022	2604/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	39.680				39.680	25.150	14.000	-8.000	6.000	
						514.000	-	-	-	514.000	-	180.000	330.600	510.600	
***	Dự án khởi công mới														
1	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thanh (giai đoạn 1)	Vĩnh Thanh	B	2023-2025	10/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thanh	514.000				514.000		180.000	330.600	510.600	
						54.143	-	21.722	21.722	10.699	-	10.705	-6	10.699	
IV	Tài nguyên														
						54.143	-	21.722	21.722	10.699	-	10.705	-6	10.699	
***	Dự án khởi công mới														
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều - Bình Thủy - Cái Răng - Phong Điền	C	2021-2023	QĐ 512/QĐ-UBND ngày 13/3/2020; 1407/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 1407/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	54.143		21.722	21.722	10.699		10.705	-6	10.699	
V	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp														
						95.000	-	-	-	95.000	190	94.810	-73.000	21.810	
***	Dự án khởi công mới														
1	Dự án Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	95.000				95.000	190	94.810	-73.000	21.810	
						1.727.942	-	1.395.350	-	332.592	247.283	1.419.452	-100.000	1.319.452	
VI	Y tế, dân số và gia đình														
**	Dự án chuyển tiếp														
1	Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ, quy mô 500 giường	Ninh Kiều	A	2015-2026	223/QĐ-UBND ngày 25/01/2017; 2497/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.727.942		1.395.350		332.592	247.283	1.419.452	-100.000	1.319.452	giảm vốn địa phương
						36.324	-	-	-	36.324	200	35.641	-35.000	641	
VII	Bảo vệ môi trường														
**	Dự án chuyển tiếp														
1	Đầu tư xây dựng nâng chất lượng nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải thành phố Cần Thơ từ cột B lên cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT	Cái Răng	C	2020-2022	2628/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	36.324				36.324	200	35.641	-35.000	641	
						298.890	-	209.436	-	89.454	139.200	144.772	-10.000	134.772	
VIII	Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản														
**	Dự án chuyển tiếp														
1	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ (Vnsat)	Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thanh	B	2016-2022	599/QĐ-UBND ngày 8/3/2018 1245/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	298.890		209.436		89.454	139.200	144.772	-10.000	134.772	giảm vốn địa phương
						353.531	-	-	-	353.531	204.455	149.075	-140.000	9.075	
IX	Khác														
**	Dự án chuyển tiếp														
1	Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu đô thị Võ Văn Kiệt - đoạn từ Rạch Sao đến Rạch Mương Khai (diện tích 35ha)	Bình Thủy	B	2018-2020	774/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	353.531				353.531	204.455	149.075	-140.000	9.075	

Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (PHÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ)
 (Kèm theo Quyết định số: 791 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định Chủ trương/Dự án đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến hết năm 2020 (nếu có)	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trước điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 giao chi tiết, bổ sung	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
						TMDT				NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại						
	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài													
	Tổng số					4.726.908	150.000	1.626.508	21.722	2.928.678	1.004.766	2.883.883	5.192	2.889.075	
						312.338	-	-	-	312.338	410	311.490	-300.000	11.490	
I	Sở Giao thông vận tải					312.338	0	0	0	312.338	410	311.490	-300.000	11.490	
***	Dự án khởi công mới														
1	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Tuyền đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ)	Bình Thủy	B	2023-2026	63/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	312.338				312.338	410	311.490	-300.000	11.490	
II	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố					495.181	150.000	-	-	345.181	286.978	205.938	-	205.938	
**	Dự án chuyển tiếp					450.000	150.000	-	-	300.000	286.978	163.021	-2.264	160.757	
1	Cầu Vàm Xáng và đường nối từ cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	B	2019-2023	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	450.000	150.000			300.000	286.978	163.021	-2.264	160.757	
***	Dự án khởi công mới					45.181	0	0	0	45.181	0	42.917	2.264	45.181	
1	Đường tỉnh 920 (đoạn qua Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Ô Môn	C	2021-2023	2533/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 3953/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	45.181				45.181		42.917	2.264	45.181	
						54.143	-	21.722	21.722	10.699	-	10.705	-6	10.699	
III	Sở Tài nguyên và Môi trường					54.143	-	21.722	21.722	10.699	-	10.705	-6	10.699	
***	Dự án khởi công mới														
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều - Bình Thủy - Cái Răng - Phong Điền	C	2021-2023	QĐ 512/QĐ-UBND ngày 13/3/2020; 1407/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 1407/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	54.143		21.722	21.722	10.699		10.705	-6	10.699	
IV	Sở Y tế					1.727.942	-	1.395.350	-	332.592	247.283	1.419.452	-100.000	1.319.452	
**	Dự án chuyển tiếp					1.727.942	-	1.395.350	-	332.592	247.283	1.419.452	-100.000	1.319.452	giảm vốn địa phương
1	Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ, quy mô 500 giường	Ninh Kiều	A	2015-2026	223/QĐ-UBND ngày 25/01/2017; 2497/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.727.942		1.395.350		332.592	247.283	1.419.452	-100.000	1.319.452	
V	Sở Xây dựng					36.324	-	-	-	36.324	200	35.641	-35.000	641	
**	Dự án chuyển tiếp					36.324	-	-	-	36.324	200	35.641	-35.000	641	
1	Đầu tư xây dựng nâng chất lượng nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải thành phố Cần Thơ từ cột B lên cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT	Cái Răng	C	2020-2022	2628/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	36.324				36.324	200	35.641	-35.000	641	



VI	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					298.890	-	209.436	-	89.454	139.200	144.772	-10.000	134.772	
**	Dự án chuyển tiếp					298.890	-	209.436	-	89.454	139.200	144.772	-10.000	134.772	
1	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ (Vnsat)	Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thanh	B	2016-2022	599/QĐ-UBND ngày 8/3/2018 1245/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	298.890		209.436		89.454	139.200	144.772	-10.000	134.772	giảm vốn địa phương
VII	Câu lạc bộ Hữu trí thành phố Cần Thơ					3.186	-	-	-	3.186	-	-	3.041	3.041	
***	Dự án khởi công mới					3.186	-	-	-	3.186	-	-	3.041	3.041	
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Câu lạc bộ Hữu trí thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2023-2024	4418/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	3.186				3.186			3.041	3.041	
VIII	Trường Cao đẳng Nghề Cần Thơ					95.000	-	-	-	95.000	190	94.810	-73.000	21.810	
***	Dự án khởi công mới					95.000	-	-	-	95.000	190	94.810	-73.000	21.810	
1	Dự án Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	95.000				95.000	190	94.810	-73.000	21.810	
IX	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố					353.531	-	-	-	353.531	204.455	149.075	-140.000	9.075	
**	Dự án chuyển tiếp					353.531	-	-	-	353.531	204.455	149.075	-140.000	9.075	
1	Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu đô thị Võ Văn Kiệt - đoạn từ Rạch Sao đến Rạch Mương Khai (diện tích 35ha)	Bình Thủy	B	2018-2020	774/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	353.531				353.531	204.455	149.075	-140.000	9.075	
X	UBND quận Cái Răng					239.336	-	-	-	239.336	100.900	138.000	-35.000	103.000	
**	Dự án chuyển tiếp					239.336	-	-	-	239.336	100.900	138.000	-35.000	103.000	
1	Khu tái định cư quận Cái Răng	Cái Răng	B	2020-2022	2589/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	239.336				239.336	100.900	138.000	-35.000	103.000	
XI	UBND quận Thốt Nốt					39.680	-	-	-	39.680	25.150	14.000	-8.000	6.000	
**	Dự án chuyển tiếp					39.680	-	-	-	39.680	25.150	14.000	-8.000	6.000	
1	Khu tái định cư quận Thốt Nốt (Khu 1)	Thốt Nốt	C	2020-2022	2604/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	39.680				39.680	25.150	14.000	-8.000	6.000	
XII	UBND huyện Vĩnh Thạnh					1.071.357	-	-	-	1.071.357	0	360.000	703.157	1.063.157	
***	Dự án khởi công mới					1.071.357	0	0	0	1.071.357	0	360.000	703.157	1.063.157	
1	Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	08/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	384.648				384.648		120.000	261.548	381.548	
2	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	09/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	172.709				172.709		60.000	111.009	171.009	
3	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	10/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND huyện Vĩnh Thạnh	514.000				514.000		180.000	330.600	510.600	

